TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 20/2022/QĐST-DS	*Thái Nguyên, ngày 23 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 76/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2022

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T – sinh năm 1961

Địa chỉ: 10/16, khu phố T, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương

+ Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh Nghĩa

Địa chỉ: Tổ 19, phường Phan P, TP.N, tỉnh Thái Nguyên

- Bị đơn: 1, Bà Phạm Kim Q – sinh năm 1969

2, Ông Dương Trọng P – sinh năm 1959

Cùng địa chỉ: Tổ 7, phường P, TP.N, tỉnh Thái Nguyên

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Bà Phạm Thị T được quyền sử dụng 120m^2 đất, gồm 50m^2 đất ở tại đô thị và 70m^2 đất trồng cây lâu năm tại thửa số 434, tờ bản đồ số 4, L, thành phố N, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 532799 do Ủy ban nhân dân thành phố N cấp ngày 01/6/2010 mang tên bà Phạm Kim Q và ông Dương Trọng P. Phần đất bà T được sử dụng được xác định theo sơ đồ 1-4-5-6-1 (có trích lục sơ đồ kèm theo)

+ Bà Phạm Kim Q và ông Dương Trọng P được quyền sử dụng 120m^2 đất, gồm 50m^2 đất ở tại đô thị và 70m^2 đất trồng cây lâu năm tại thửa số 434, tờ bản đồ số 4, phường L, thành phố N, theo giấy chứng nhận QSD đất số BA 532799 do Ủy ban nhân dân thành phố N cấp ngày 01/6/2010 mang tên bà

Phạm Kim Q và ông Dương Trọng P. Phần đất bà Q và ông P được sử dụng được xác định theo sơ đồ 2-3-5-6-2 (có trích lục sơ đồ kèm theo)

+ Bà Q và ông P có trách nhiệm bàn giao đất theo thỏa thuận nêu trên để bà T làm thủ tục tách thửa và cấp giấy chứng nhận QSD đất theo quy định tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

+ Về án phí: Bà T và ông P là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được Tòa án miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bà Q chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.168.750đ (một triệu một trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

+ Về chi phí tố tụng: Bà T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 7.000.000đ (bảy triệu đồng) và chi phí định giá tài sản là 3.000.000đ (ba triệu đồng) (đã thực hiện xong).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TPTN;
- Chi cục THADS TPTN;
- Lưu hồ sơ vụ án.